

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8 - 2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Huỳnh Minh Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong các ngày 20 tháng 6 và 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, Sinh năm: 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã PL, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, Sinh năm: 1977. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị N trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Long, huyện Phước Long tỉnh Bạc Liêu. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau, ông Đ ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu và đánh bà nhiều lần, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2003 đến nay, bà xác định bà không còn tình cảm với ông Đ, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- Con chung: Bà và ông Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Thị H, sinh 2001, hiện nay đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, không yêu cầu xem xét, giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Bà xác định vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông Đ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do; Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà N và ông Đ.

[2] Hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Bà N cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Đ thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ, đánh bà nhiều lần, hôn nhân không hạnh phúc. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông Đ chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông Đ không có ý kiến nên không xem xét. Xét thấy, bà N và ông Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau khoảng 20 năm. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà N về việc ly hôn với ông Đ là có căn cứ.

[3] Con chung: Bà N và ông Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, hiện nay đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường. Khi ly hôn, đương sự không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng, nên không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Tài sản chung: Bà N xác định không có. Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Bà N xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Con chung: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng. Ngày 17/02/2023, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0002859, được đối trừ, chuyên thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân